

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HSST

Ngày: 03/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Bế Thiện

2. Ông Nguyễn Khắc Thái Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1992 tại TH; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường M, thành phố S, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1965 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Hoàng D, sinh năm 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

* **Người làm chứng:**

1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1994 – Nơi cư trú: Xóm X, xã B, thành phố S (Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001 – Nơi cư trú: Xóm X, xã B, thành phố S (Vắng mặt)

3. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1997 – Nơi cư trú: Xóm Đ, xã K, huyện Đ, tỉnh TH (Vắng mặt)

4. Ma Văn H3, sinh năm 2002 – Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện C, tỉnh B (Vắng mặt).

5. Anh Hoàng Quốc Q, sinh năm 1987 – trú tại xóm H, xã A, huyện Đ, tỉnh TH (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2020, anh Hoàng Quốc Q (sinh năm 1987 – trú tại xóm H, xã A, huyện Đ, tỉnh TH) quen biết với Hoàng Thị Đ (thường gọi là Hoàng Thị Bảo N, sinh năm 2000 – trú tại xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh TH) và thuê Đ làm quản lý nhân viên phục vụ tại các quán Karaoke cho anh Q. Tháng 01/2021, Q có vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng. Đến tháng 11/2021, Đ cần tiền để giải quyết việc gia đình nên đã liên lạc với anh Q đòi tiền nhưng Q chưa trả.

Ngày 12/12/2021 do không đòi được Đ đã kể lại cho Nguyễn Văn V về việc Q muốn Đ quan hệ tình dục mới trả tiền. V bảo Đ đồng ý quan hệ với Q, việc còn lại V giải quyết. Sau đó Đ nhắn tin qua ứng dụng Zalo với Quế nội dung hẹn gặp nhau ở nhà nghỉ vào ngày 13/12/2021. V gọi điện cho Nguyễn Văn H2, Ma Văn H3, Lưu Văn C rủ đi cùng giúp V quay video, bắt giữ anh Q để đòi nợ, tất cả đồng ý. Lúc này H2 rủ Triệu Đức Đ và Nguyễn Văn H1 đi cùng.

Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 13/12/2021, thông qua mạng xã hội Facebook, V gọi điện cho một người tên V (chưa rõ nhân thân lai lịch) hỏi thuê xe ô tô 07 chỗ thì V nói sẽ giới thiệu lái xe. Sau đó, được V giới thiệu, Nguyễn Tuấn A gọi điện cho V thì V bảo Tuấn A đón người từ cổng chào Khu công nghiệp Diêm Thụy đưa lên địa bàn thành phố TH, Tuấn A đồng ý. Tuấn A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI màu trắng, biển kiểm soát 20A -457.xx đến khu vực cổng Khu công nghiệp Diêm Thụy đón H2, Đ và H1 rồi đi tiếp đến phường C, thành phố S đón C sau đó đi đến khu vực cổng phụ trường Đại học Sư phạm TH. H2, C, Đ và H1 xuống xe đến gần xe ô tô nhãn hiệu Hyundai BKS 30A -247.xx của V đang đỗ ở vỉa hè. V kể lại sự việc và nhờ cả nhóm đi cùng V đến nhà nghỉ quay video, bắt giữ Q thì tất cả đồng ý. Khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, V điều khiển xe ô tô BKS 30A -247.xx đi một mình, Tuấn A điều khiển xe ô tô BKS 20A -457.xx chở H3, Đ, H1, H2 đi theo đến nhà nghỉ 9999 thuộc tổ x, phường T, thành phố TH. Khi Đ đến phòng 205 nhà nghỉ 9999 để gặp anh Q như đã hẹn và nhắn tin báo số phòng cho V. Tuấn A điều khiển xe đợi đầu ngõ, V cùng H3, C, H2, Đ, H1 đi vào phòng 205. V tự xưng là chồng của Đ nói với anh Q “*Mày dám dụ vợ bố mày lên nhà nghỉ à*”, H1 dùng chân đạp Q thì V bảo không đánh nữa và nghi chặt người Q, còn H3, C dùng điện thoại di động quay video lại sự việc. Lúc này ông Nguyễn Văn Đ1 là lễ tân nhà nghỉ đến can ngăn và đuổi ra ngoài. V nói “Đưa nó xuống xe” rồi C, Đ giữ hai tay V túm áo khống chế Q đi ra khu vực trước cổng nhà nghỉ đưa anh Q lên xe ô tô do Tuấn A điều khiển, rồi tất cả di chuyển đến khu vực trại ngựa B thuộc xã B, thành phố S. V điều khiển xe Khi đi đến khu vực cổng Lữ đoàn 382 thì Q vùng dậy giằng tay lái của Tuấn A làm xe bị loạng choạng. Thấy vậy, H dùng vỏ chai rượu bằng thủy tinh đập mạnh vào đầu Q làm Q bị chảy máu đầu, Đ và C dùng chân tay đánh liên tục vào Q thì Tuấn A nói “Chúng mày đừng đánh trên xe của tao” thì tất cả dừng lại. Tuấn A tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực bãi đất trống

gần đập tràn Trại ngựa thì dừng lại. V xuống xe được Đ, C kể lại việc Q giằng tay lái. V bảo Đ, H1 đi tìm dây trói anh Q lại. H1, Đ tìm được sợi dây dứa màu đen và 02 tờ giấy ô li và 01 bút bi màu xanh. Trên đường qua lại, H nhặt được một sợi dây thừng. Khi về đến vị trí xe ô tô BKS 20A -457.xx, Đ đưa giấy và bút cho H2, H1 đưa dây dứa và dây thừng cho C rồi Đ và C dùng dây trói anh Q lại, chân anh Q thì C dùng dây vải trói từ trước. Lúc này V hỏi Đ, Đ yêu cầu anh Q trả nợ 10.000.000 đồng và bồi thường danh dự 50.000.000 đồng. V đi đến chỗ Q, yêu cầu Q trả nợ và bồi thường số tiền như Đ yêu cầu và đe dọa anh Q nếu không đưa tiền sẽ báo Công an và gửi video ở nhà nghỉ 9999 cho vợ anh Q. Do hoảng sợ nên anh Q đồng ý. V yêu cầu anh Q viết giấy cam kết nhưng anh Q không viết nên V bảo H viết giấy biên nhận tiền và một bản cam kết bồi thường danh dự theo nội dung V đọc. Sau đó, anh Q chuyển tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản của mình đến tài khoản của Hoàng Thị H4 là chị gái của Đ. Sau khi Đ xác nhận đã nhận tiền, V yêu cầu anh Q ký vào 02 tờ giấy do H2 viết ra. Sau khi đọc, anh Q ký và ghi họ tên. V yêu cầu Q trả 50.000.000 đồng tiền bồi thường danh dự thì anh Q xin cho thời gian. V đồng ý và mọi người tiếp tục di chuyển. Trên đường đi anh Q kêu đau tay thì C cởi trói cho anh Q. Q có gọi điện vay và được anh Trần Vũ T chuyển tài khoản cho vay 42.000.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi nhận được tiền do anh T chuyển, anh Q yêu cầu nhóm V phải xóa hết video, rồi đưa anh Q lên xe taxi đủ an toàn thì anh Q sẽ chuyển tiền. C, H3 và Đ tự xóa toàn bộ video trong điện thoại của mình. Khi đi đến ngã tư Khu công nghiệp S, V cùng H3, C đưa anh Q lên 01 xe taxi đang chờ khách gần đó. Anh Q chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của H4. Sau khi Đ thông báo đã nhận được tiền, V để cho anh Q rời đi.

Sau đó V, Tuấn A chở H1, H2, Đ, C, H3 đến một quán cơm tại khu công nghiệp Sam Sung thì Tuấn A ra về. H đã chuyển tiền thuê xe 2.000.000 đồng cho Tuấn A, nhưng không nói số tiền này từ đâu mà có.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Tuấn A khai bản thân chứng kiến toàn bộ hành vi bắt, giữ và chiếm đoạt tài sản của V, Đ, C, H1 và H2 nhưng không tố giác hành vi của họ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai với các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra như biên bản làm việc, biên bản đọc dữ liệu điện thoại, lời khai của người làm chứng.

Cáo trạng số 28/CT -VKSTPTN ngày 16 tháng 01 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội “Không tố giác tội phạm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Nguyễn Tuấn A khai nhận: Ngày 13/12/2021, sau khi được anh V giới thiệu, Tuấn A đã gọi điện cho V, V bảo Tuấn A đón người từ cổng chào Khu công nghiệp Diêm Thụy đưa lên địa bàn thành phố TH, Tuấn A đồng ý. Tuấn A điều khiển xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI màu trắng, biển kiểm soát 20A -457.xx đến khu vực cổng Khu công nghiệp Diêm Thụy đón H2, Đ và H1 rồi đi tiếp đến phường C, thành phố S đón C sau đó đi đến khu vực cổng phụ trường Đại học Sư phạm TH. Tuấn A được chứng kiến toàn bộ quá trình anh Hoàng Quốc Q bị nhóm

của V, Đ bắt, giữ từ nhà nghỉ 9999 đến đánh gây thương tích và ép anh Q phải trả tiền nợ, tiền bồi thường danh dự 60.000.000 đồng. Quá trình trong và sau khi sự việc xảy ra, Tuấn A không tố giác hành vi của họ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật. Tuấn A không được hưởng bất kỳ lợi ích từ số tiền nhóm của V chiếm đoạt tài sản của anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Không tố giác tội phạm”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Ngày 13/12/2021, tại khu vực tổ x, phường T, thành phố TH và khu vực xã B, thành phố S, tỉnh TH. Nguyễn Tuấn A đã trực tiếp chứng kiến toàn bộ quá trình Nguyễn Văn V, Hoàng Thị Đ, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H3, Ma Văn H2, Triệu Đức Đ và Lưu Văn C thực hiện hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 và “Cướp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS nhưng không tố giác, báo tin đến cơ quan có thẩm quyền đã gây ảnh hưởng đến việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm của cơ quan điều tra do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều 390 BLHS quy định:

“1. Người nào biết rõ một trong các tội phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 14 của Bộ luật này đang được chuẩn bị hoặc một trong các tội phạm quy định tại Điều 389 của Bộ luật này đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Bộ luật này, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo về tội *“Không tố giác tội phạm”* theo khoản 1 Điều 390 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng đến việc phát hiện, điều tra, xử lý của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ là *“Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”* và *“Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhận thức pháp luật còn hạn chế dẫn đến nhất thời phạm tội. Xét không cần thiết phải cách ly bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta, động viên bị cáo tích cực cải tạo tu dưỡng tốt trở thành công dân có ích với gia đình và xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Các vấn đề khác:

+ Đối với hành vi của Nguyễn Văn V, Hoàng Thị Đ, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn H3, Ma Văn H2, Triệu Đức Đ đã bị xét xử tại bản án số 233/2022/HSST ngày 26/9/2022 về tội *“Bắt, giữ người trái pháp luật”* quy định tại khoản 1 Điều 157 BLHS và tội *“Cướp tài sản”* quy định tại khoản 2 Điều 168 BLHS của Tòa án nhân dân thành phố TH.

+ Đối với hành vi của Lưu Văn C, quá trình điều tra chưa xác định được nơi ở hiện tại của C. Để giải quyết toàn diện, khách quan của vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 03/QĐ – ĐTTH ngày 23/12/2022 tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội "*Không tố giác tội phạm*"

2. Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS; Xử phạt bị cáo **09 (Chín)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố S, tỉnh TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo, bị hại;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

